TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 360/2024/HNGĐ-ST Ngày 22-8-2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á
2. Ông Cao Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc A, sinh năm 1991, địa chỉ: Tổ A, Khu phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1989, địa chỉ: Tổ B, khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Vợ chồng ông Lê Đ, sinh năm 1961 bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963, cùng trú tại: Tổ B, khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên bà Phan Thị Ngọc A trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông H có quan hệ tình cảm với nhau, có thời gian chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ ngày 29/01/2024, ông H đưa bà A về nhà của ông để sinh con. Ngày 12/4/2024, bà sinh cháu Phan Ngọc Gia H1. Suốt thời gian ở nhà ông H, bà A bị gia đình ông H chửi bới xúc phạm, gây cho bà áp lực lớn trong sinh hoạt và tình cảm. Vì không chịu được nên bà A xin về nhà mẹ đẻ tuy nhiên ông H và gia đình không đồng ý, không cho bà Trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con của mình. Bà đã báo công an phường H can thiệp để bà đưa con về nhà mẹ nuôi dưỡng nhưng sau khi được động viên bà đã quay về chăm con. Thời gian sau đó, cha mẹ ông H thường xuyên chửi bới, nhục mạ nên bà không thể tiếp tục ở được và đành bỏ con lại để về nhà mẹ ruột ở từ ngày 03/3/2024. Nay bà A yêu cầu ly hôn ông H.

Về con chung: Có 01 con tên Phan Ngọc Gia H1 sinh ngày 12/02/2024 hiện do ông H và cha mẹ ông H nuôi dưỡng. Ông H và cả gia đình ông H không cho bà gặp và chăm sóc con của mình. Cháu H1 hiện chỉ mới 06 tháng tuổi nên việc được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết. Hiện tại bà có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở cùng cha mẹ ruột tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên đủ điều kiện để chăm sóc nuôi con. Bà A yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

+ Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà A có quan hệ tình cảm, có sống chung một thời gian tại nhà của cha mẹ ông nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông và ba Anh không thể quay lại chung sống với nhau nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A.

Về con chung: Có 01 con tên Phan Ngọc Gia H1 sinh ngày 12/02/2024 hiện do ông H và cha mẹ ông H nuôi dưỡng. Bà A đã bỏ con từ lúc mới sinh ra, nợ nần nhiều… không chăm sóc nuôi dưỡng tốt cháu H1 nên ông không đồng ý giao cháu H1 cho bà A nuôi dưỡng. Ông H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà A phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

+ Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/7/2024 và tại phiên tòa, ông Lê Đ, bà Nguyễn Thị N trình bày: Con trai của ông bà là ông H và bà A có quan hệ với nhau và có một con gái tên Phan Ngọc Gia H1 sinh ngày 12/02/2024. Ông bà xác định cháu H1 là con đẻ của ông H và là cháu nội của ông bà. Bà A yêu cầu giao con cho bà nuôi thì ông bà không chấp nhận. Lý do là do bà A sinh con xong thì bỏ đi cho đến nay không chăm lo gì cho con, ông bà là người trực tiếp nuôi cháu H1 cho đến nay.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ

khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà A, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Ngọc A và ông Lê Văn H, giao con chung cho bà A nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu cấp dưỡng cho con, về án phí bà A phải chịu theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà A yêu cầu ly hôn ông H, yêu cầu nuôi con chung nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Tổ B, khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn bà A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ bà N đề nghị xét xử vắng mặt nên theo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về hôn nhân: Bà A và ông H chung sống với nhau trong một thời gian ngắn thì bà A về nhà mẹ ruột ở. Ông H và bà A đã không còn chung sống với nhau, không quan tâm gì đến nhau và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Ông H và bà A đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, giữa ông H và bà A không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà A có yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà A.

[4] Về con chung:

[4.1] Giấy khai sinh của cháu Phan Ngọc Gia H1 sinh ngày 12/02/2024 không thể hiện tên người cha nhưng ông H và bà A đều thừa nhận cháu H1 là con chung của ông bà. Theo Kết quả xét nghiệm AND của Trung tâm phân tích AND và Công nghệ di truyền thì cháu H1 là con ruột của ông H. Như vậy, có đủ căn cứ xác định cháu Phan Ngọc Gia H1 sinh ngày 12/02/2024 là con chung của ông H và bà A.

[4.2] Ngày 05/6/2024, bà A có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời giao người chưa thành niên (cháu H1) cho bà nuôi dưỡng. Ngày 06/5/2024, Tòa án cùng chính quyền địa phương đến tại nhà của ông Đ bà N xác minh thì ông Đ bà N thừa nhận đang chăm sóc cháu H1, bà N trực tiếp bế cháu H1 trước sự chứng kiến của tổ công tác. Cùng ngày Tòa án đã ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc ông H, ông Đ bà N giao cháu H1 cho bà A trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng. Qua xác minh tại Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã H thì: Ngày 07/5/2024, Chấp hành viên cùng chính quyền

địa phương đến nhà ông H để xác minh điều kiện thi hành án. Tại thời điểm xác minh cháu H1 không có mặt tại nhà ông H, theo ông H và ông Đ bà N thì các ông bà không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng quản lý cháu H1. Cháu H1 không có mặt tại nhà các ông bà, hiện ở đâu không biết. Vì vậy, Chấp hành viên không thi hành được Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án. Tuy nhiên sau đó, khi Tòa án làm việc, ông H và ông Đ bà N đều thừa nhận đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Như vậy, ông H và ông Đ bà N đã có hành vi ngăn cản bà A được tiếp xúc, chăm sóc cháu H1, bà A không thể thực hiện quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên qui định tại khoản 1 Điều 71 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Cháu H1 từ khi chưa đầy một tháng tuổi đã được ông H và cha mẹ của ông H là ông Đ bà N nuôi dưỡng mà không có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ ruột là bà A. Cháu H1 hiện chỉ trên 06 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Việc ông H và ông Đ bà N không đồng ý giao cháu H1 cho bà Anh nuôi là không phù hợp với qui định của pháp luật. Theo qui định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Bà A không đồng ý để ông H nuôi dưỡng cháu H1. Ông H thường xuyên làm công việc xa nhà, cháu H1 chủ yếu do ông Đ bà N (là ông bà nội) chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H cho rằng bà A nợ nần không đủ điều kiện nuôi con nhưng không chứng minh được lời khai của mình và các giấy tờ đòi nợ mà ông H cung cấp cũng do ông nhặt được từ cách đây một năm nên không có cơ sở để xác định bà A không đủ điều kiện nuôi con. Bà A hiện có công việc, thu nhập ổn định, có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu H1, cháu H1 còn quá nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà A, giao cháu H1 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Bà A tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[6] Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, đúng qui định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Ngọc A và ông Lê Văn H.

2. Về con chung: Buộc ông Lê Văn H và vợ chồng ông Lê Đ bà Nguyễn Thị N phải giao cháu Phan Ngọc Gia H1 sinh ngày 12/02/2024 cho bà Phan Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Ngọc A không yêu cầu ông Lê Văn H cấp dưỡng cho con.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

5. Về tài sản, nợ chung: Không có.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà A đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006423 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên được khấu trừ, bà A đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hoàng